

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2026/HNGĐ- ST

Ngày 19-3-2026

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đồng Văn Diện**

2. Ông **Nguyễn Văn Thanh**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 315/2025/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2025 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Giáp Thị Y, sinh ngày 05/12/1981; Số căn cước công dân: 024181017405; địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn T, sinh ngày 07/8/1980; Số căn cước công dân: 024080012526; địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Giáp Thị Y trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, tỉnh Bắc Giang (nay là xã L, tỉnh Bắc Ninh) ngày 09/5/2001. Sau khi cưới anh chị chung sống cùng gia đình anh T được khoảng 3 năm

thì bố mẹ ra cho ở riêng. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có 02 con chung.

Mâu thuẫn phát sinh từ nhiều năm nay nhưng cũng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày. Anh chị dàn xếp và vẫn chung sống với nhau để cùng làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái.

Đến tháng 8 năm 2024 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tính tình, anh T thường xuyên chửi bới chị, thậm trí vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng anh T vẫn kiếm có gây sự, chửi bới chị. Anh T đi làm về, nghe mọi người ở ngoài nói nên về nhà gây sự với chị, quăng quật đồ đạc. Bản thân chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi mà vợ chồng còn cãi nhau nhiều hơn.

Từ đó tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu, vợ chồng ngày càng xa cách, không còn quan tâm đến nhau. Anh chị đã có rất nhiều lần ngồi lại với nhau để dàn xếp chuyện vợ chồng nhưng không có kết quả. Gia đình hai bên có biết việc anh chị xảy ra mâu thuẫn và có dàn xếp, khuyên bảo hai vợ chồng nhưng không có kết quả. Anh chị đã chính thức ly thân nhau và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ cuối năm 2024 cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh chị không thể tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn T.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Phan Thị Ngọc B, sinh ngày 02/7/2002 và Phan Đức T1, sinh ngày 21/10/2004. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành, cháu B đã có gia đình riêng nên chị không có yêu cầu gì.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, ruộng đất nông nghiệp*: Anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu không thỏa thuận được chị sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Ngoài ra chị Giáp Thị Y không trình bày gì thêm.

* Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Phan Văn T, nhưng anh Phan Văn T không có ý kiến gì và không đến Tòa án để làm việc.

* *Tòa án tiến hành làm việc, xác minh với ông Phan Văn T2 và bà Phan Thị S, là bố mẹ đẻ của anh T, ông T2 và bà S có ý kiến như sau:*

Anh T và chị Y được gia đình hai bên cho tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND xã L, tỉnh Bắc Ninh) năm 2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị Y về ở với nhau ngay tại nhà ông bà từ đó đến nay.

Anh chị có thời gian dài hạnh phúc và đã có 02 con chung, quá trình chung sống anh chị không có mâu thuẫn gì lớn, chị Y có thời gian đi nước ngoài làm ăn nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình. Đến khoảng năm 2024 anh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì ông bà không biết. Ông bà cũng khuyên bảo nhiều nhưng không có kết quả. Nay anh T, chị Y ly hôn đề nghị hòa giải cho vợ chồng, nếu không hòa giải được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Phan Thị Ngọc B và Phan Đức T1, hiện nay hai con chung đã trưởng thành nên ông bà không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Ông bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của các bên.

Ngoài ra, ông Phan Văn T2 và bà Phan Thị S không còn ý kiến nào khác.

- Ngày 18 tháng 12 năm 2025, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Phan Văn T vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Ngày 29 tháng 01 năm 2026, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Phan Văn T vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Tại phiên tòa ngày 27 tháng 02 năm 2026, chị Giáp Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phan Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ nhất tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị hoãn phiên tòa, nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

- Tại phiên tòa ngày 19 tháng 3 năm 2026, chị Giáp Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phan Văn T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được

triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; **điểm a khoản 5 Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Giáp Thị Y được ly hôn anh Phan Văn T.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là chị Giáp Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn là anh Phan Văn T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Phan Văn T có nơi cư trú tại xã L, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Giáp Thị Y có đơn xin ly hôn với anh Phan Văn T nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 xác định quan hệ pháp luật là "*Ly hôn*".

[4] Về nội dung:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Giáp Thị Y và anh Phan Văn T có tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 09/5/2001 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã L, tỉnh Bắc Ninh). Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị về ở với nhau ngay tại nhà đẻ của anh T và có thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tính tình, anh T thường xuyên chửi bới chị, thậm trí vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng anh T vẫn kiếm cớ gây sự, chửi bới chị. Anh T đi làm về, nghe mọi người ở

ngoài nói nên về nhà gây sự với chị, quăng quật đồ đạc. Bản thân chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi mà vợ chồng còn cãi nhau nhiều hơn.

Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị Y và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị Y được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống chị Giáp Thị Y và anh Phan Văn T có 02 con chung là Phan Thị Ngọc B, sinh năm 2002 và Phan Đức T1, sinh năm 2004. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] *Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp*: Chị Giáp Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Giáp Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; **điểm a khoản 5 Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

- Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Giáp Thị Y được ly hôn với anh Phan Văn T.
- Về án phí*: Chị Giáp Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003139 ngày 06/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Y đã nộp đủ án phí.
- Về quyền kháng cáo*: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu HS, VP./

Nguyễn Ngọc Oanh